TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 65/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 09-03-2026
"V/v ly hôn, yêu cầu nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Danh Thị Kiều Oanh
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Vân Trường
Bà Vũ Thị Đào
- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Phúc – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang.
***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – An Giang tham gia phiên tòa*:** bà Thị Kim Lài – Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 3 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 414/2025/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 11 năm 2025 về "Ly hôn, yêu cầu nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 01 năm 2026 giữa:

Nguyên đơn: bà Trần Tuyết N, sinh ngày: 02/8/1999 (Có mặt)
Địa chỉ: 157/38/19/3 M, phường B, TP H.
Chổ ở hiện nay: T29 ấp C, xã R, tỉnh T

Bị đơn: ông Huỳnh Văn C, sinh ngày: 11/4/1998 (Vắng mặt)
Địa chỉ: ấp V, xã V, tỉnh A.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 17/11/2025, bản tự khai và lời trình bày tại phiên tòa của nguyên đơn bà Trần Tuyết N như sau:

Năm 2019 bà N và ông Huỳnh Văn C quen biết và tìm hiểu nhau được thời gian ngắn thì ông bà có tình cảm với nhau, ông bà tự nguyện kết hôn với nhau, ông bà có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện G, tỉnh K ngày 15/4/2020. Sau khi cưới, ông bà sống hạnh phúc được một năm thì bắt đầu mâu thuẫn

nguyên nhân là do ông C ham chơi không lo cho vợ con, công việc không ổn định, thường xuyên đi không về nhà, không phụ giúp bà N nuôi con mà để một mình bà N đi làm tự nuôi con và vợ chồng đã ly thân từ tháng 3/2025 đến nay. Trong thời gian ly thân, bà N và ông C không gặp nhau, cũng không liên lạc với nhau, ông C cũng không về thăm hai con nên bà N đã không còn tình cảm với ông C nữa, do đó bà N quyết định ly hôn với ông C.

Bà N trình bày trong quá trình sống chung với ông C, ông bà có hai người con chung tên Huỳnh Trung T, sinh ngày 24/02/2020 và Huỳnh Trung H, sinh ngày 24/5/2023. Con chung do bà N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục từ khi vợ chồng ly thân đến nay. Bà N xác định bà và ông C không có tài sản chung và cũng không có nợ chung.

Tại phiên tòa, bà Trần Tuyết N yêu cầu Tòa án giải quyết về hôn nhân bà N yêu cầu được ly hôn với ông Huỳnh Văn C. Về con chung bà N yêu cầu được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai người con chung tên Huỳnh Trung T, sinh ngày 24/02/2020 và Huỳnh Trung H, sinh ngày 24/5/2023; bà N không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không có nên bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, bà N không trình bày hay yêu cầu gì thêm.

* Đối với bị đơn ông Huỳnh Văn C không có mặt tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo đúng quy định pháp luật nhưng ông C không có mặt cũng không cung cấp bản tự khai cho Tòa án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến hay bất cứ yêu cầu nào của ông.

Đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, người tham gia tố tụng; việc thu thập tài liệu, chứng cứ, cấp tống đạt văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát đúng quy định. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn đã được thông báo, tống đạt các văn bản tố tụng đúng quy định nhưng đều vắng mặt là không tuân thủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: Tuyên xử về hôn nhân chấp nhận cho bà Trần Tuyết N được ly hôn với ông Huỳnh Văn C. Về con chung giao hai người con chung tên Huỳnh Trung T, sinh ngày 24/02/2020 và Huỳnh Trung H, sinh ngày 24/5/2023 cho bà N nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Về tài sản chung, nợ chung và về cấp dưỡng nuôi con bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó không đề nghị xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: bà N yêu cầu ly hôn với ông C và bà N yêu cầu nuôi con. Bị đơn là ông Huỳnh Văn C có địa chỉ đăng ký thường trú tại ấp V, xã V, tỉnh A nên Tòa án nhân dân khu vực 5 – An Giang xác định quan hệ pháp luật "ly hôn, yêu cầu nuôi con" và thụ lý, giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Huỳnh Văn C với tư cách là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng ông C vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án vẫn được xét xử theo quy định.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: bà Trần Tuyết N và ông Huỳnh Văn C tự quen biết, tìm hiểu được tthời gian thì ông bà có tình cảm với nhau và ông bà tự nguyện tổ chức đám cưới và ông bà có đăng ký kết hôn tại đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện G, tỉnh K số 35/2020 ngày 15/4/2020, cho nên theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của bà N là bà có nguyện vọng được ly hôn với ông C lý do ông C ham chơi không lo cho vợ con, công việc không ổn định, thường xuyên đi không về nhà, không phụ giúp bà N nuôi con mà để một mình bà N đi làm tự nuôi con và vợ chồng đã ly thân từ tháng 3/2025 đến nay. Tòa án đã tiến hành thông báo mời hòa giải động viên nhằm tạo điều kiện cho hai bên hàn gắn lại hôn nhân nhưng ông C không có mặt nên không thể tiến hành hoà giải được. Tại phiên toà, bà N, ông C cũng không gặp nhau và bà N vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn với ông C vì bà không còn tình cảm yêu thương dành cho ông C. HĐXX thấy rằng, do trước khi kết hôn ông bà đã không tìm hiểu kỹ tình tính của nhau nên sau thời gian chung sống giữa bà N và ông C xảy ra mâu thuẫn, từ đó không còn duy trì được tình yêu thương dành cho nhau nên dẫn đến tình trạng hôn nhân mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N là phù hợp.

[2.3] Về con chung: Bà N khai trong quá trình sống chung với ông C, ông bà có hai người con chung tên Huỳnh Trung T, sinh ngày 24/02/2020 và Huỳnh Trung H, sinh ngày 24/5/2023. Bà N yêu cầu được tiếp tục nuôi hai con. Hội đồng xét xử xét

thấy, trong thời gian bà N và ông C ly thân từ tháng 3/2025 đến nay thì bà N là người trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung; hai con vẫn phát triển bình thường về mọi mặt nên Hội đồng xét xử giao hai người con chung tên Huỳnh Trung T, sinh ngày 24/02/2020 và Huỳnh Trung H, sinh ngày 24/5/2023 cho bà N nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp với thực tế, không trái đạo đức xã hội và đúng quy định pháp luật.

[2.4] Về cấp dưỡng nuôi con: bà N không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xem xét.

[2.5] Về tài sản chung và nợ chung: bà N xác định vợ chồng bà không có tài sản chung và cũng không có nợ chung nên bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, HĐXX không xem xét.

[3] Đối với bị đơn ông Huỳnh Văn C, Tòa án tiến hành thẩm tra, xác minh cho thấy ông C có đăng ký thường trú tại ấp V, xã V, tỉnh A nhưng ông C vắng mặt ở nơi cư trú, không rõ thời điểm trở về và không xác định được địa chỉ nơi cư trú mới. Tòa án căn cứ Điều 175, Điều 177, Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành thủ tục niêm yết các văn bản tố tụng đối với ông C theo quy định nhưng ông C vẫn vắng mặt không có lý do và ông C cũng không gửi bất cứ văn bản nào thể hiện ý kiến và yêu cầu của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà N cho Tòa án nên HĐXX không thể xem xét nguyện vọng của ông.

[4] Xét ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ phù hợp với quy định pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

[5] Về án phí: bằng 300.000 đồng, bà N phải nộp do bà có yêu cầu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 175, Điều 177, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 9, 56, 81 và 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: chấp nhận cho bà Trần Tuyết N được ly hôn với ông Huỳnh Văn C.

2. Về con chung: giao Huỳnh Trung T, sinh ngày 24/02/2020 và Huỳnh Trung H, sinh ngày 24/5/2023 cho bà Trần Tuyết N nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Ông C có quyền có quyền tới lui thăm nom con chung, không ai có quyền cản trở anh thực hiện quyền này. Ông bà có quyền làm đơn xin thay đổi quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung và nợ chung: Miễn xét.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: bà Trần Tuyết N phải nộp là 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí mà bà N đã nộp theo biên lai thu số 0008944 ngày 17/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Như vậy, bà N đã nộp xong án phí HNST.

5. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án ngày 09/3/2026. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

"Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 9, Điều 7, Điều 7a, 7b Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

TM/. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
-TAND tỉnh;
-VKS khu vực 5 – An Giang;
-THADS;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ.

Danh Thị Kiều Oanh